

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 1251/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung
và
phía Nam đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại tờ trình số 68/TTr-BXD ngày 17 tháng 7 năm 2008 về việc phê duyệt Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch cấp nước 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi quy hoạch

Các đô thị trung tâm chính và khu công nghiệp của các thành phố trực thuộc trung ương và các tỉnh của 3 vùng kinh tế trọng điểm.

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: bao gồm 8 tỉnh/thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Tây, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh.

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: bao gồm 5 tỉnh/thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định.

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: bao gồm 8 tỉnh/thành phố: Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tiền Giang.

2. Mục tiêu quy hoạch

Định hướng phương án phát triển hợp lý hệ thống cấp nước đô thị (nguồn nước, nhà máy nước, tuyến truyền dẫn chính) của 3 vùng kinh tế trọng điểm phù hợp với phương hướng chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Nội dung quy hoạch

a) Tiêu chuẩn cấp nước và dự báo nhu cầu dùng nước

Tiêu chuẩn chất lượng nước sạch dùng để thiết kế các công trình xử lý nước cấp cho ăn uống và sinh hoạt lấy theo TCXDVN 33:2006. Các tiêu chuẩn dùng nước chính:

TT	Đối tượng dùng nước và thành phần cấp nước	Giai đoạn	
		2010	2020
I.	Đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I, khu du lịch, nghỉ mát		
	a) Nước sinh hoạt:		
	- Tiêu chuẩn cấp nước (l/người.ngày): + Nội đô		
	+ Ngoại	165	200
	vi	120	150
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước (%): + Nội đô	85	99
	+ Ngoại	80	95
	vi	$22 \div 45$	$22 \div 45$
	b) Nước khu công nghiệp ($m^3/ha/ngđ$)	< 25	< 20
	c) Nước thất thoát; tính theo % của (a+b)		
II.	Đô thị loại II, đô thị loại III		
	a) Nước sinh hoạt:		
	- Tiêu chuẩn cấp nước (l/người.ngày): + Nội đô	120	150
		80	100
	+ Ngoại	85	99
	vi	75	90
	- Tỷ lệ dân số được cấp nước (%): + Nội đô	$22 \div 45$	$22 \div 45$

+ Ngoại < 25 < 20

vi

b) Nước khu công nghiệp ($\text{m}^3/\text{ha}/\text{ngđ}$)

c) Nước thất thoát; tính theo % của (a+b)

III. Đô thị loại IV, đô thị loại V; điểm dân cư nông thôn

a) Nước sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn cấp nước (l/người.ngày): 60 100

- Tỷ lệ dân số được cấp nước (%): 75 90

b) Nước thất thoát; tính theo % của (a+b) < 20 < 15

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước 3 vùng kinh tế trọng điểm:

	Vùng	Vùng	Vùng	
Nội dung	KTTĐ	BắcKTTĐ	miềnKTTĐ	phíaCộng
	Bộ	Trung	Nam	
Năm 2010				
Dân số đô thị (triệu người)	6,27	2,27	12,57	21,11
Diện tích các KCN (ha)	6.500	5.700	25.800	38.000
Nhu cầu nước sinh hoạt (m3/ngđ)	893.000	373.000	2.056.000	3.322.000
Nhu cầu nước công nghiệp (m3/ngđ)	260.000	144.000	1.240.000	1.644.000
Các nhu cầu khác (m3/ngđ)	790.000	220.800	1.045.000	2.055.800
Tổng nhu cầu sử dụng nước sạch (m3/ngđ)	1.943.000	738.000	4.363.000	7.044.000
Năm 2020				
Dân số đô thị (triệu người)	8,39	3,74	17,30	29,43
Diện tích các KCN (ha)	16.500	11.236	50.324	78.060

Nội dung	Vùng KTTĐ Bộ	Vùng BắcKTTĐ Trung	Vùng miềnKTTĐ Nam	Vùng phíaCộng
Nhu cầu nước sinh hoạt (m ³ /ngđ)	1.366.000	762.000	3.415.000	5.543.000
Nhu cầu nước công nghiệp (m ³ /ngđ)	743.000	324.000	2.357.000	3.424.000
Các nhu cầu khác (m ³ /ngđ)	1.086.000	334.000	1.633.000	3.053.000
Tổng nhu cầu sử dụng nước sạch (m ³ /ngđ)	3.195.000	1.420.000	7.419.000	12.034.000

b) Nguồn nước

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

+ Sử dụng hợp lý nguồn nước ngầm có khả năng khai thác trên địa bàn.

+ ưu tiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ chứa, các sông, chủ yếu tập trung khai thác các sông chính sau: sông Đà, sông Hồng, sông Đuống, sông Thái Bình, sông Đa Độ, sông Giá, sông Cầu và các sông khác thuộc khu vực.

- Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Khả năng khai thác nước ngầm trong khu vực là hạn chế. Nguồn khai thác chính là từ các sông: sông Hương, sông Yên, sông Túy Loan, sông Cầu Đỏ, sông Cu Đê, sông Vĩnh Điện, sông Trà Khúc, và từ các hồ chứa nước tại chỗ.

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

+ Nước ngầm có trữ lượng tương đối lớn và có thể khai thác tại Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên cần có kế hoạch khai thác và sử dụng hợp lý.

+ ưu tiên khai thác, sử dụng nguồn nước mặt từ các hồ chứa, các sông như: sông Đồng Nai, sông Sài Gòn, sông Tiền và các sông suối khác; các hồ Phước Hòa, Dầu Tiếng, hồ Đá Đen, hồ Sông Ray.v.v..

c) Công nghệ xử lý nước

Công nghệ xử lý chủ yếu sử dụng công nghệ xử lý truyền thống đối với nước ngầm và nước mặt, đảm bảo chất lượng nước đạt tiêu chuẩn TCXDVN 33-2006 và 1329/2002/BYT/QĐ đối với nước sinh hoạt. Trong đó, đối với nước ngầm là Làm thoáng - Lắng - Lọc - Khử trùng, đối với nước mặt là Keo tụ - Lắng - Lọc - Khử trùng. Kết hợp trang bị các thiết bị tiên tiến hiện đại phục vụ công tác vận hành, quản lý.

d) Quy hoạch hệ thống cấp nước vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

- Hệ thống cấp nước liên đô thị trong vùng

+ Hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Miếu Môn - Xuân Mai - Hoà Lạc - Sơn Tây - Hà Đông - Hà Nội sử dụng nguồn nước sông Đà. Khu vực Dự án: nằm trên 3 tỉnh/thành: Hà Nội - Hà Tây và Hoà Bình thuộc châu thổ sông Hồng. Các hạng mục chính của dự án:

. Nguồn nước: nguồn nước sông Đà.

. Công trình thu và trạm bơm nước sông.

. Tuyến ống nước thô.

. Cải tạo hồ Đầm Bài.

. Nhà máy nước mặt sông Đà: 300.000 m³/ngày giai đoạn I, 600.000 m³/ngày giai đoạn II.

. Hệ thống mạng chuyển tải D1500mm - D1800mm.

. Các Dự án/tiểu Dự án phát triển mạng lưới tiếp nhận.

+ Hệ thống cấp nước vùng phía bắc sông Hồng.

. Nguồn nước: sử dụng nguồn nước sông Hồng hoặc sông Đuống, phạm vi phục vụ cấp nước cho các đô thị và khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc.

. Công suất: 300.000 m³/ngày giai đoạn I, 600.000 m³/ngày giai đoạn II và 1 triệu m³/ngày các giai đoạn tiếp theo.

- Các hệ thống cấp nước chính vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Hệ thống cấp nước	Công suất (m ³ /ngày)		
	Hiện tại	2010	2020